CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thế kỷ 21

Ngày 30/06/2025	15,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-8.7%**	**-6.0%**

DT thuần
Q2/25
22.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80| 9.0%
YoY: ▼6.90| -23.7%

LN thuần
Q2/25
-0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.74| -104%
YoY: ▲ 10.7| 97.3%

LN sau thuế
Q2/25
-1.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.08| -122%
YoY: ▲ 12.0| 89.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-2.3%
YoY: +/-▼ 40.2%

ROE (TTM)
Q2/25
3.2%
YoY: +/-▲ 2.1%

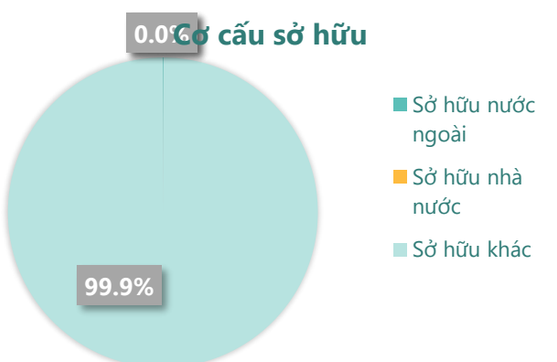
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,800 - 19,237
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	285
Số lượng CPLH (CP)	18,138,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.67
EPS	1,302
P/E	12.1

DT thuần
6T 2025
42.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.70| -17.0%

LN thuần
6T 2025
7.14
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.19| 449%

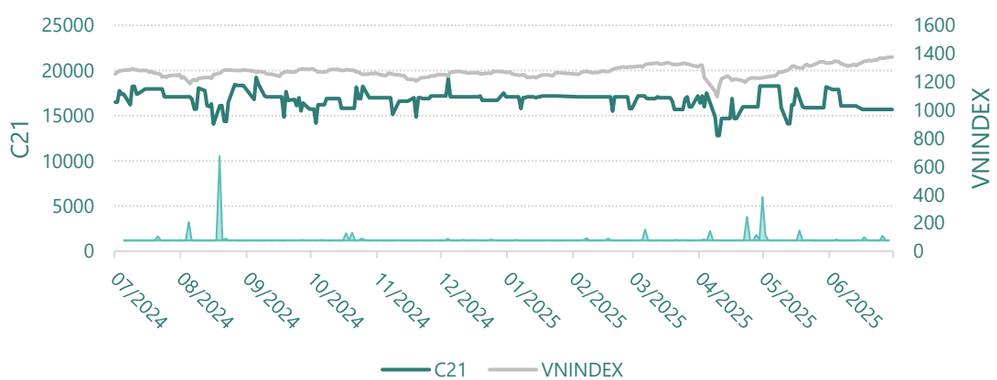
LN sau thuế
6T 2025
5.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.0| 176%

Cơ cấu sở hữu

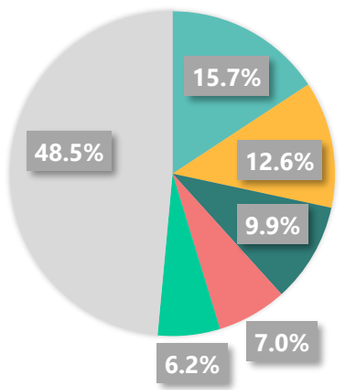


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

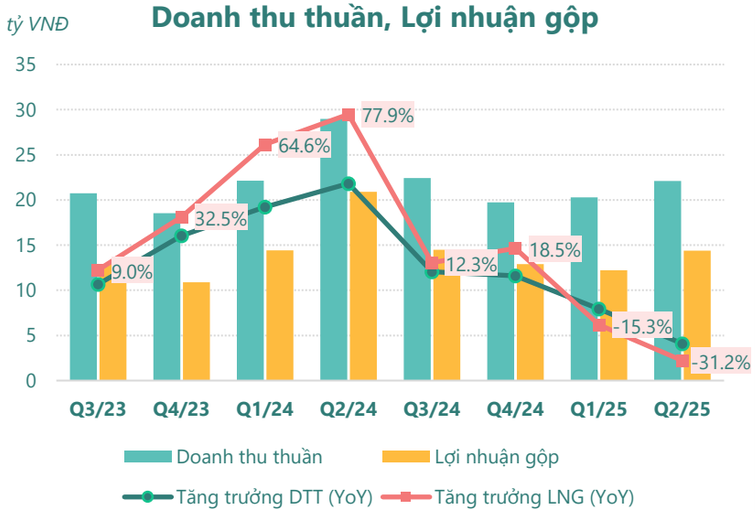


- CTCP Đầu tư Phượng Hoàng Kim
- Nguyễn Phi Hùng Kiệt
- CTCP Quản lý và Dịch vụ An Khánh
- CTCP Sài Gòn Hưng Phú
- CTCP Thế kỷ 21
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

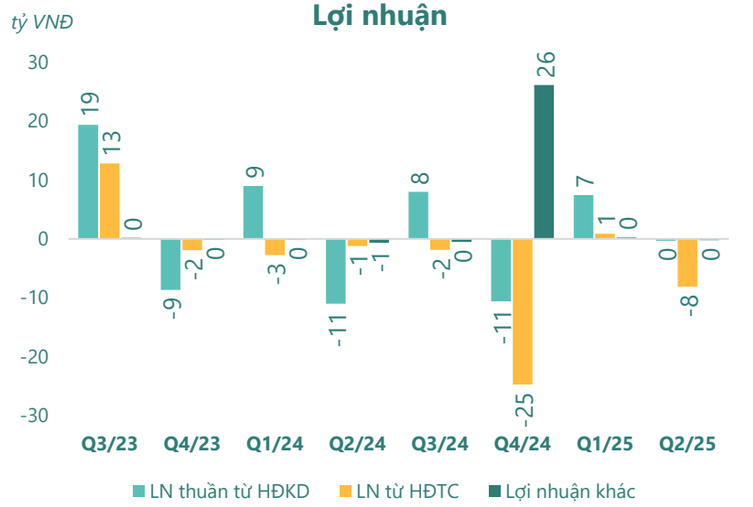
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



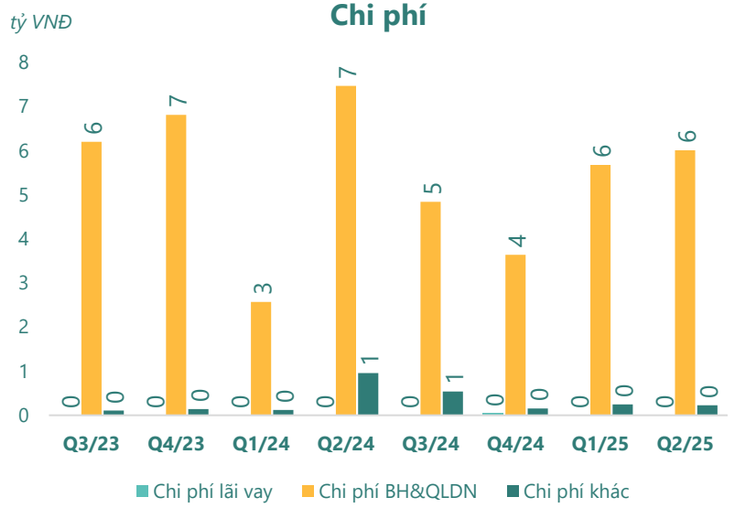
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



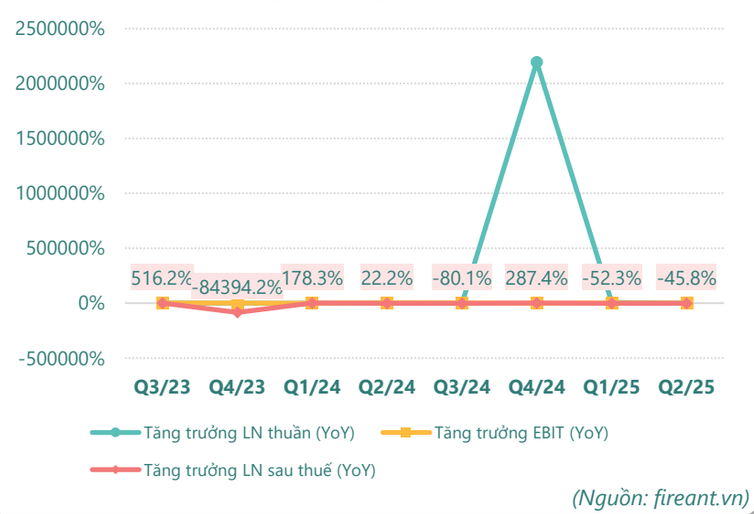
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



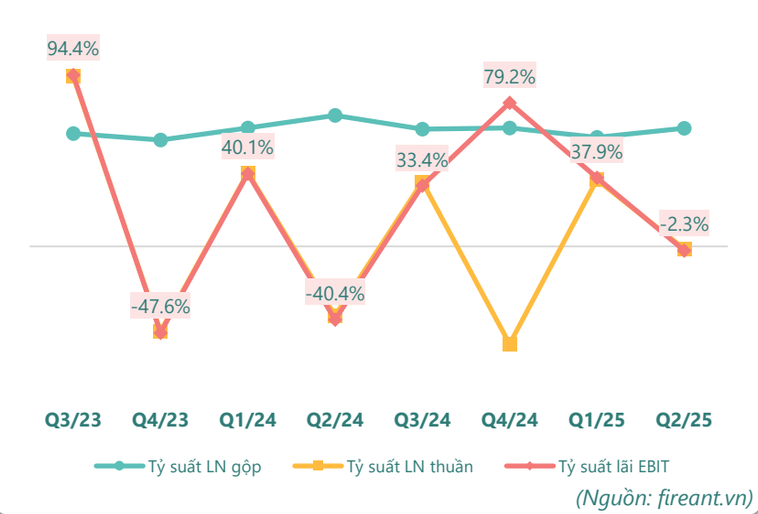
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



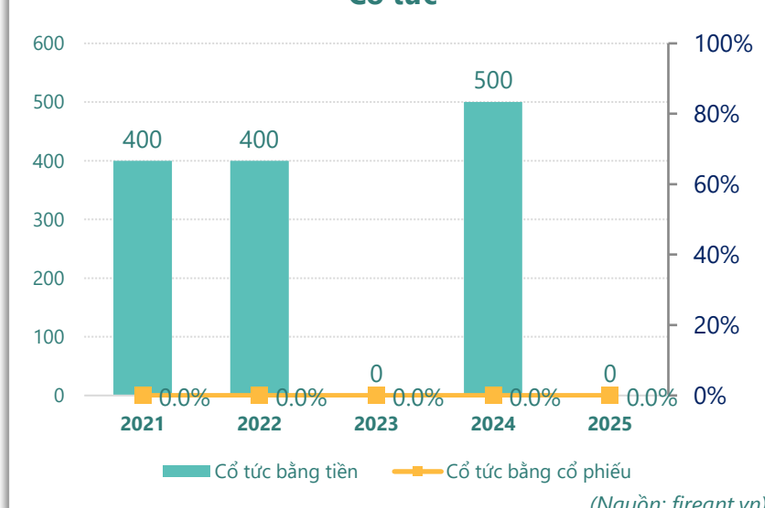
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

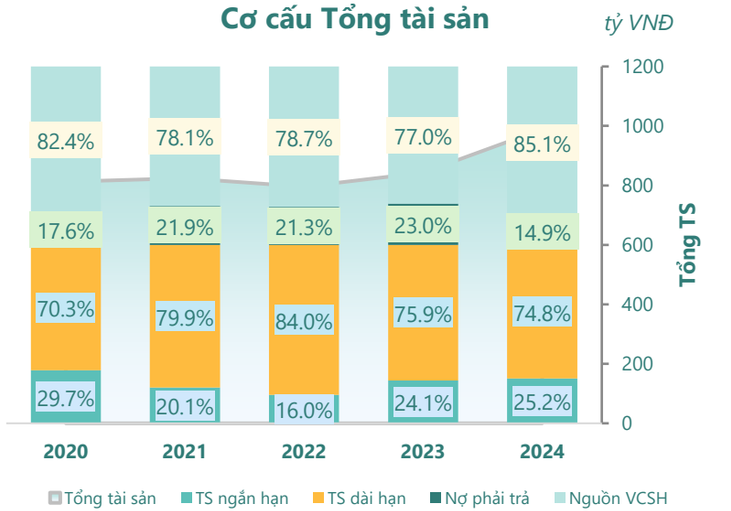
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

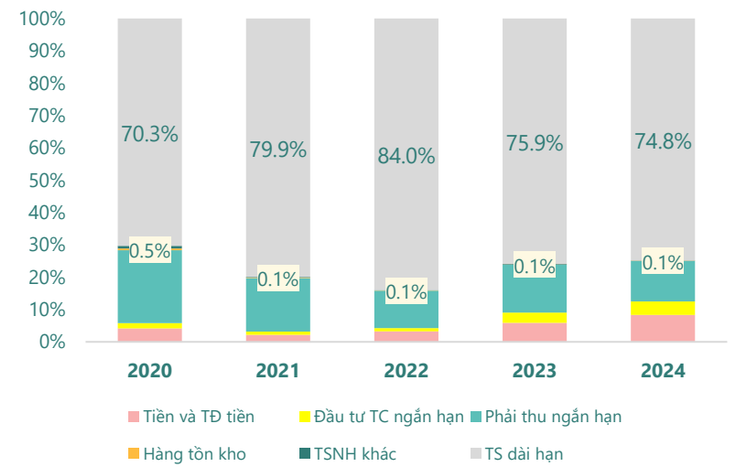
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



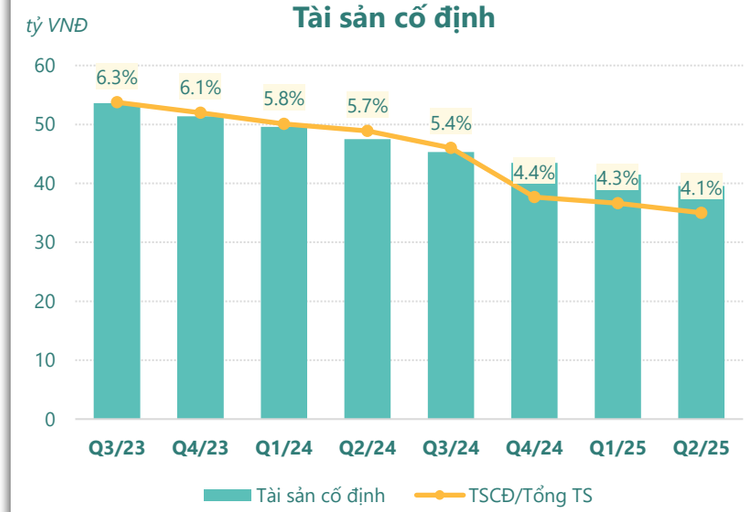
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



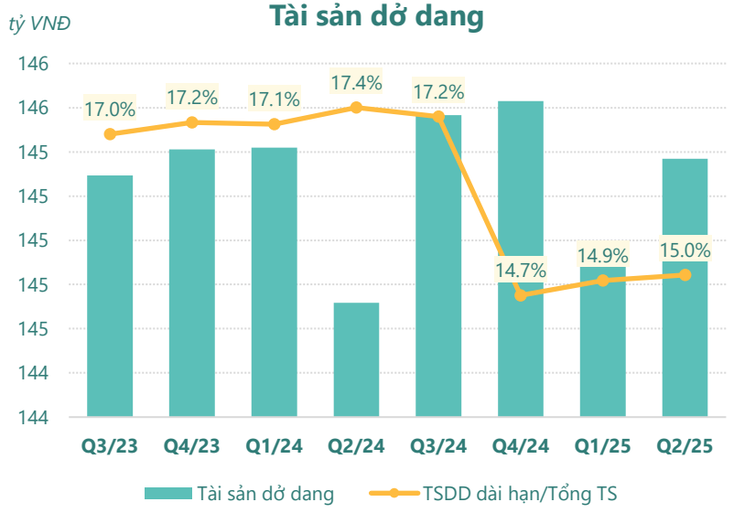
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



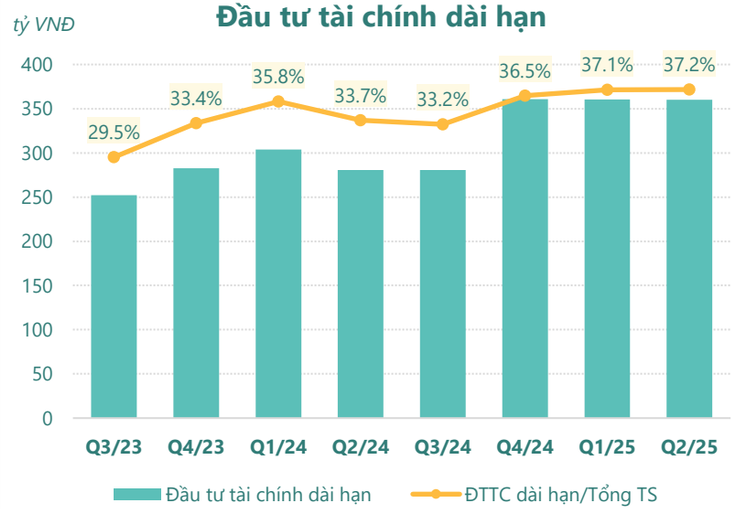
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



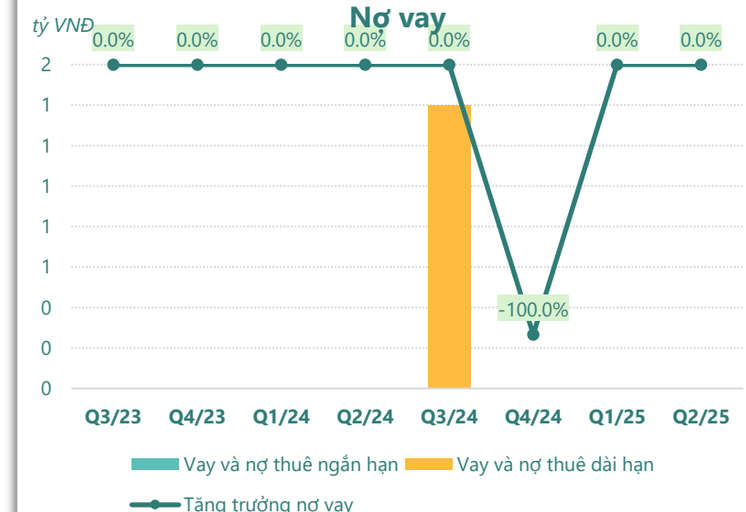
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

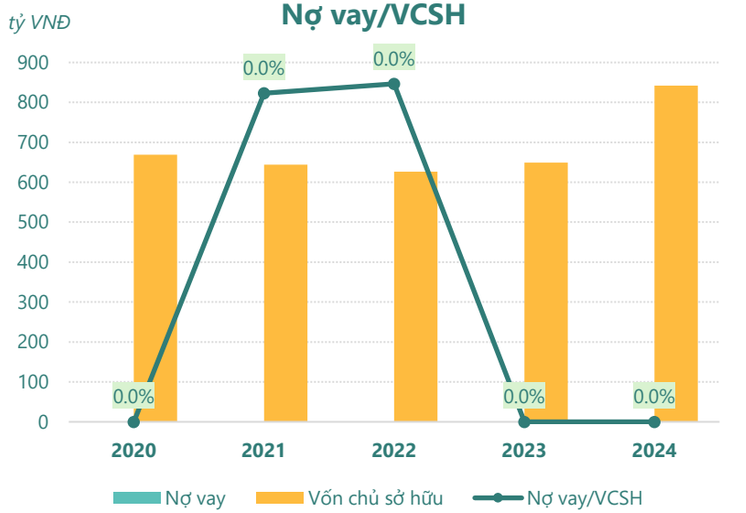
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

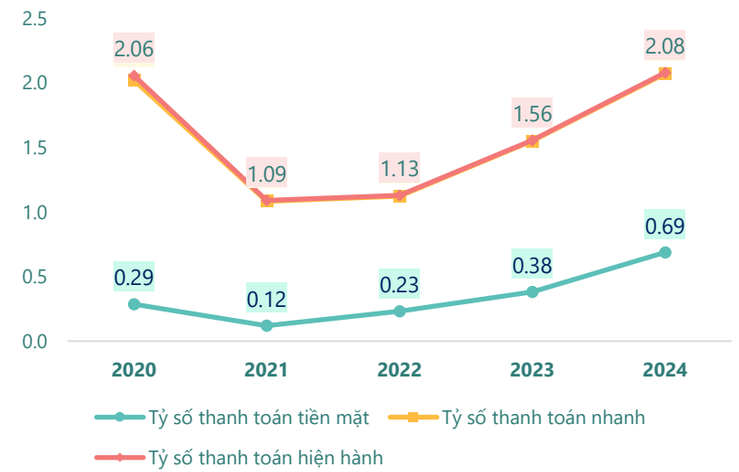
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



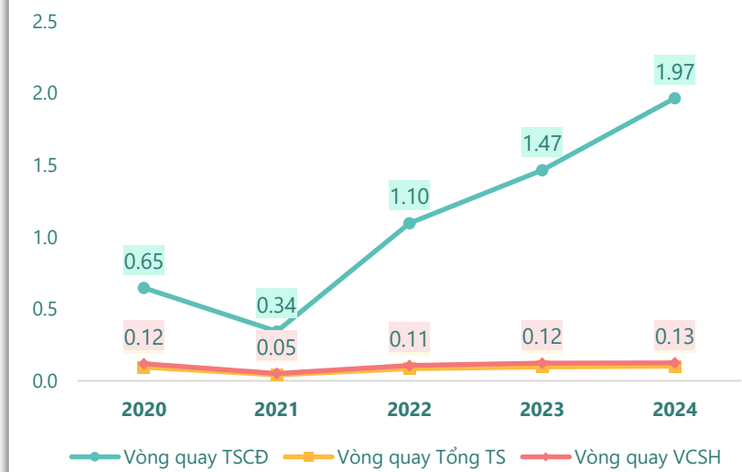
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



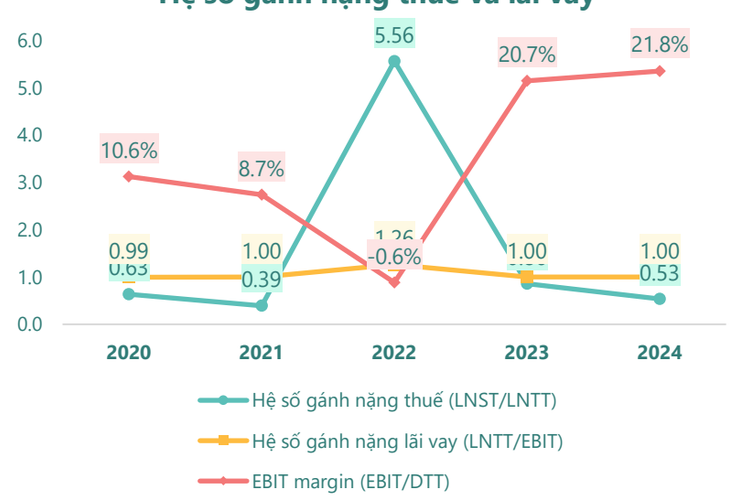
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



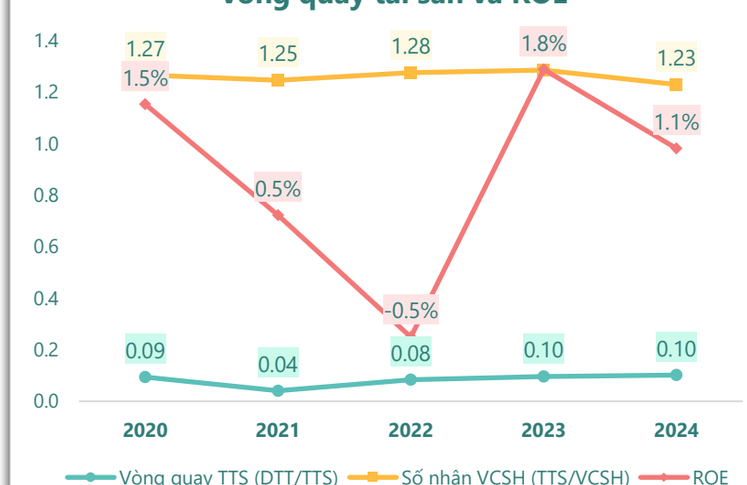
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



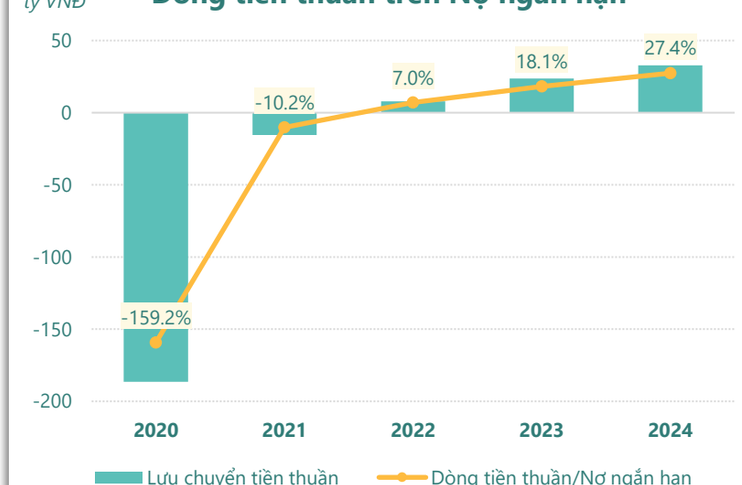
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**22.1**	**29.0**	**-23.7%**	**42.4**	**51.1**	**-17.0%**
Giá vốn hàng bán	7.73	8.06	-4.1%	15.8	15.8	0.4%
Lợi nhuận gộp	14.4	20.9	-31.1%	26.6	35.3	-24.7%
Doanh thu HĐTC	0.20	1.13	-82.3%	0.93	0.75	24.2%
Chi phí TC	8.35	2.34	257%	8.18	4.71	73.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**-0.54**	**-23.3**	**97.7%**	**-0.54**	**-23.4**	**97.7%**
Chi phí bán hàng	1.13	1.22	-7.6%	2.29	2.53	-9.5%
Chi phí QLDN	**4.88**	**6.25**	**-21.9%**	**9.39**	**7.51**	**25.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.30	-11.0	97.3%	7.14	-2.05	449%
Lợi nhuận khác	**-0.21**	**-0.66**	**68.2%**	**0.04**	**-0.77**	**106%**
LN trước thuế	-0.51	-11.7	95.6%	7.19	-2.82	355%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.45**	**-13.4**	**89.2%**	**5.18**	**-6.78**	**176%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.48**	**-15.1**	**103%**	**5.58**	**-9.82**	**157%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.56	20.0	6.91	-124	8.29	3.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.6	-3.78	2.15	142	-0.16	1.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	1.40	0	1.00	0.40
Tiền đầu kỳ	49.6	37.6	53.8	64.3	24.5	33.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.0**	**16.3**	**10.5**	**18.1**	**9.13**	**5.23**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	37.6	53.8	64.3	82.4	33.6	38.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**969**	**989**	**-2.1%**
Tài sản ngắn hạn	254	249	1.8%
Tiền và tương đương tiền	38.9	82.4	-52.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.4	40.7	-13.1%
Phải thu ngắn hạn	176	124	41.5%
Hàng tồn kho	0.98	0.98	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.79	0.90	210%
Tài sản dài hạn	**715**	**740**	**-3.4%**
Phải thu dài hạn	139	155	-10.1%
Tài sản cố định	39.5	43.5	-9.0%
Bất động sản đầu tư	4.69	4.88	-4.0%
Tài sản dở dang	145	146	-0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	360	361	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**17.7**	**21.4**	**-17.1%**
Lợi thế thương mại	8.32	9.24	-10.0%
Nợ phải trả	123	148	-16.4%
Nợ ngắn hạn	**95.7**	**120**	**-20.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.01	5.54	8.5%
Nợ dài hạn	27.6	27.7	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**845**	**842**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**845**	**842**	**0.4%**
Vốn điều lệ	193	193	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)